

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 172/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” giữa:

1. Nguyên đơn: Bùi Tiến T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: chị Ninh Thị T1, sinh năm 1991.

Địa chỉ: thôn F M, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Bùi Tiến T và chị Ninh Thị T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: anh Bùi Tiến T và chị Ninh Thị T1 thừa nhận vợ chồng có một con chung, cháu tên là Bùi Minh T2, sinh ngày 12/11/2018. Anh T và chị T1 thống nhất giao cháu T2 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu

đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: anh Bùi Tiến T và chị Ninh Thị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: anh Bùi Tiến T và chị Ninh Thị T1 thống nhất, chị H chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp theo biên lai thu số 0003659 ngày 10 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Trả lại cho anh T 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- UBND xã Hà Vinh, huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

*(Đã ký)*

**Đào Văn Nam**